

非政府擔保對外貸款發放和使用條件的規定

我們謹向貴企業提供第08/2023/TT-NHNN號通知須注意事項

1. 適用對象

1. 在越南設立並開展業務的企業、合作社、合作社聯盟、信貸組織和外國銀行分行等居民為外國借款人（以下簡稱借款人）。
2. 借款人開立、償還對外貸款賬戶的在越南的信貸組織、外國銀行分行（以下簡稱為提供賬戶服務的銀行）。

2. 延期付款進口貨物形式的對外貸款

1. 以延期付款進口貨物形式借用對外貸款的借款人無需遵守本通知規定的對外貸款條件。
2. 以延期付款進口貨物形式借用對外貸款的借款人有責任遵守企業借用、償還外債的外匯管理規定、指引，商業、外貿管理的法律規定以及其他相關的法律規定。

3. 使用對外貸款的原則

1. 借款人對正確使用對外貸款於本通知規定的合法用途負全部責任。
2. 若貸款已提取但暫時尚未用於本通知規定的合法對外貸款用途，借款人可以將該資金來源存入在越南營運的信貸組織、外國銀行分行。每筆存款最長期限不超過 1 個月。

4. 使用對外貸款計劃

1. 利用對外貸款計劃是利用對外貸款的生產經營計劃，其中證明借款人對外貸款的目的、需求是合法、合理的。借款人使用對外貸款的計劃，須依照投資法、企業法、信貸組織法、合作社法、借款人章程及其他有關法律規定，經審權機關（以下簡稱依法批准的審權機關）批准。

5. 外債重組計劃

1. 外債重組計劃（以下簡稱“債務重組計劃”）是指利用新增外債償還現有合法外債的信息匯總。借款人的債務重組計劃必須依法經審權機關批准。



6. 對外貸款協議

1. 對外貸款協議是記載各方之間約定的文件或若干文件的集合，貸款人按照還本付息（若有利息約定）的原則，在一定期限內向借款人交付或承諾交付一筆貨幣或財產（融資租賃合同形式的對外貸款）用於指定用途。
2. 對外貸款協議必須以書面形式為準，若協議採用電子數據電文形式，則必須遵守電子交易法的規定。
3. 對外貸款協議必須在對外貸款提取日期之前或當天簽署。僅在以下情況下才可在提取對外貸款之日簽署對外貸款協議：
 - a) 短期對外貸款，前提是貸款在雙方簽署貸款協議後發放；
 - b) 根據外債償還和外商對越南直接投資活動的外匯管理法規，將已獲得投資執照的項目的投資準備資金轉成對外貸款而產生的對外貸款。

7. 對外貸款費用

1. 借款人和關聯方在商定對外貸款費用時，自行負責遵守現行對外貸款利率和與對外貸款有關的其他費用的規定。
2. 為了管理自借和自付對外貸款的限額，必要時，越南國家銀行行長決定對外貸款費用的適用條件；決定並公佈各期對外貸款費用的上限。

非信貸組織、外國銀行分行借款人的補充條件

對外貸款的目的

1. 短期對外貸款的目的：
 - a) 借款人只能使用短期對外貸款重組外債並償還以現金支付的短期貸款（不包括境內貸款本金）。本款規定的短期貸款是指借款人在實施投資項目、生產經營計劃和其他項目時產生的貸款，按照企業會計制度的現行法律規定確定；
 - b) 除本條第 1 款第 a 點規定的目的外，根據專門法律必須確保財務安全標準的借款人有權使用短期對外貸款為借款人的業務活動服務，資金使用期限自提取對外貸款之日起12 個月內。
2. 中長期對外貸款目的：

借款人只能借用中長期對外貸款於以下目的：

 - a) 實施借款人的投資項目；
 - b) 實施借款人的生產、經營計劃和其他項目；
 - c) 重組借款人的外債。
3. 本條第 2 款、第 2 款規定的借款人的使用對外貸款必須符合：
 - a) 企業營業項目範圍、成立證書、投資執照、投資登記證書、投資主張批准書、合作社登記



證書、合作社聯合登記證書及其他依法具有同等價值的文件的範圍；

b) 規定借款人組織和運作章程的現行法律文件規定的其他合法活動範圍。

4. 對外貸款借款人必須通過以下方式證明對外貸款的目的：

a) 依投資法和其他有關的現行法律規定的投資執照、投資登記證書或投資主張批准書（若使用對外貸款實施借款人投資項目）；

b) 依本通知的規定的對外貸款使用計劃（若使用對外貸款實施借款人生產經營計劃、其他項目）；

c) 依本通知第 8 條的規定的外債重組計劃（若使用對外貸款重組外債）。

對外貸款限額

1. 使用對外貸款實施投資項目：

a) 借款人服務於投資項目的境內外中長期貸款本金餘額（包括展期短期貸款和展期成中長期的短期貸款）最高不超過投資項目的貸款金額限額；

b) 本條第 a 點規定的投資項目的貸款限額是指投資項目的投資總額與投資執照、投資登記證書、投資主張批准書中記載的投資者的出資額之間的差額。

2. 使用對外貸款實施借款人的生產、經營計劃、其他項目：

借款人服務於此目的的境內外中長期貸款餘額（包括展期短期貸款和展期成中長期的短期貸款）不得超過審權機關依法批准的對外貸款使用計劃的貸款資金需求總額。

3. 使用對外貸款重組借款人的外債：

a) 用於重組外債的對外貸款的最高金額不得超過在結構時確定的本金餘額、利息金額、現有外債的未付費用和新貸款費用之總價值；

b) 若新增對外貸款為中長期貸款，借款人必須在提取新增貸款之日起5個工作日內償還現有對外貸款，以便在上述5個工作日後，借款人能夠保證規定的貸款限額。

關聯方的責任

借款人的責任

1. 遵守本通知對外貸款條件的規定和外匯管理的現行法規。

2. 在簽訂和履行對外貸款時，自行負責遵守民事法、企業法、投資法、擔保交易、反洗錢、專門法以及其他相關法律和國際慣例的規定。

3. 對對外貸款用途證明文件的準確性、真實性承擔法律責任，確保按照本通知規定的對外貸款用途證明文件使用對外貸款。

4. 齊全保存對外貸款的使用符合本通知規定的外債用途的證明憑據、文件，本通知規定的變更資金使用目的清單的相關憑據、文件（若有），並全面出示上述文件，以服務於審權機關



越南台灣商會聯合總會
投資經營勞工委員會

孔祥平 主委 聯絡方式：

熱 線：+84 933 341 688 微 信：everwinservice LINE: everwin888

對對外貸款使用目的的清查、檢查。

5. 按照本通知規定的資金使用原則，對在越南的信貸組織、外國銀行分行定期存款的各項閒置金額進行制立監測表，並出具符合本通知規定的證明文件，以便必要時審權機關對對外貸款的使用情況進行清查、檢查。

第 20 條：賬戶服務提供銀行的責任

1. 進行檢查並保存與實際交易相適應的文件，以確保外匯服務的提供獲按正確目的進行及符合法律規定。
2. 在越南國家銀行對借款人遵守對外貸款條件的情況進行清查、檢查的過程中，配合提供借款人的信息和文件。

第五章

執行條款

第 21 條：實施條款

1. 本通知自2023年8月15日起生效，本條第 2 款規定的情況除外。
2. 本通知第 15 條規定的短期對外貸款限額自2024年1月1日起生效。

第 22 條：過渡條款

本通知生效前已簽訂的對外貸款協議，並在簽署時符合法律規定的，借款方可以繼續履行已簽訂的協議及越南國家銀行對對外貸款的登記確認書、變更登記確認書（若有），直至對外貸款結束。上述協議的修改、補充只在修改、補充內容符合本通知的規定和相關法律的規定的情況下進行。

收件處：

- 政府總理（以匯報）；
- 政府辦公室；
- 司法部（以檢查）；
- 各部、部級機關；
- 國家銀行的領導委會；
- 信貸組織、外國銀行分行；
- 公報；
- 存檔：辦公室、法制委、外匯管理委會。

代行長簽

副行長

（已簽名蓋章）

范清河

~ 越南台灣商會聯合總會 投資經營勞工委員會翻譯 謹供參考 ~



越南台灣商會聯合總會
投資經營勞工委員會

孔祥平 主委 聯絡方式：

熱 線：+84 933 341 688 微 信：everwinservice LINE: everwin888

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: 08/2023/TT-NHNN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN VAY VÀ SỬ DỤNG VỐN VAY NƯỚC NGOÀI KHÔNG ĐƯỢC CHÍNH
PHỦ BẢO LÃNH**

**CHÚNG TÔI XIN GỬI ĐẾN QUÝ DOANH NGHIỆP MỘT SỐ VẤN ĐỀ LƯU Ý THEO THÔNG TƯ
08/2023/TT-NHNN**

1. Đối tượng áp dụng

1. Người cư trú là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam là bên đi vay nước ngoài (sau đây gọi chung là bên đi vay).
2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi bên đi vay mở tài khoản vay, trả nợ nước ngoài (sau đây gọi là ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản).

2. Khoản vay nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm

1. Bên đi vay vay nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm không phải tuân thủ các điều kiện vay nước ngoài quy định tại Thông tư này.
2. Bên đi vay nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm chịu trách nhiệm tuân thủ quy định hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp, các quy định của pháp luật về thương mại, quản lý ngoại thương và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Nguyên tắc sử dụng vốn vay nước ngoài

1. Bên đi vay chịu trách nhiệm toàn diện trong việc sử dụng vốn vay nước ngoài đúng mục đích hợp pháp quy định tại Thông tư này.
2. Trường hợp khoản vay đã được rút vốn nhưng tạm thời chưa sử dụng cho các mục đích vay nước ngoài hợp pháp quy định tại Thông tư này, bên đi vay có thể sử dụng nguồn tiền này để gửi tiền tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Kỳ hạn của mỗi khoản tiền gửi tối đa không quá 01 tháng.

4. Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài

1. Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài là kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng vốn vay nước ngoài, trong đó chứng minh mục đích, nhu cầu vay nước ngoài hợp pháp, hợp lý của bên đi vay. Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài của bên đi vay phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật hợp tác xã, điều lệ của bên đi vay và các quy định khác của pháp luật có liên quan (sau đây gọi chung là cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật).

5. Phương án cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài

1. Phương án cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài (sau đây gọi là “Phương án cơ cấu nợ”) là tổng hợp các thông tin về việc sử dụng vốn vay nước ngoài mới để trả nợ khoản vay nước ngoài hiện hữu hợp pháp. Phương án cơ cấu nợ của bên đi vay phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

6. Thỏa thuận vay nước ngoài

1. Thỏa thuận vay nước ngoài là một hoặc tập hợp một số văn bản ghi nhận thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho bên đi vay một khoản tiền hoặc tài sản (trong trường hợp vay nước ngoài dưới hình thức hợp đồng cho thuê tài chính) để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi (nếu có thỏa thuận về lãi).

2. Thỏa thuận vay nước ngoài phải được lập thành văn bản, trường hợp là thỏa thuận dưới hình thức thông điệp dữ liệu điện tử phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

3. Thỏa thuận vay nước ngoài phải được ký kết trước hoặc vào ngày rút vốn khoản vay nước ngoài. Việc ký kết thỏa thuận vay nước ngoài vào ngày rút vốn khoản vay nước ngoài chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Khoản vay ngắn hạn nước ngoài với điều kiện việc giải ngân khoản vay thực hiện sau khi các bên ký kết thỏa thuận vay;

b) Khoản vay nước ngoài phát sinh từ việc chuyển số tiền thực hiện chuẩn bị đầu tư của các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thành vốn vay nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động vay trả nợ nước ngoài và hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

7. Chi phí vay nước ngoài

1. Bên đi vay và các bên liên quan tự chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến lãi suất vay nước ngoài, các chi phí khác có liên quan đến khoản vay nước ngoài khi thỏa thuận về chi phí vay nước ngoài.

2. Để điều hành hạn mức vay nước ngoài tự vay, tự trả, khi cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định việc áp dụng điều kiện về chi phí vay nước ngoài; quyết định và công bố mức trần chi phí vay nước ngoài trong từng thời kỳ.

ĐIỀU KIỆN BỔ SUNG ĐỐI VỚI BÊN ĐI VAY KHÔNG PHẢI LÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Mục đích vay nước ngoài

1. Mục đích vay ngắn hạn nước ngoài:

a) Bên đi vay chỉ được sử dụng vốn vay ngắn hạn nước ngoài để cơ cấu lại các khoản nợ nước ngoài và thanh toán các khoản nợ ngắn hạn phải trả bằng tiền (không bao gồm các khoản nợ gốc của khoản vay trong nước) của bên đi vay. Các khoản nợ ngắn hạn phải trả quy định tại Khoản này là các khoản nợ phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự án khác của bên đi vay và được xác định căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp;

b) Ngoài mục đích quy định lại điểm a khoản 1 này, bên đi vay thuộc đối tượng phải đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo pháp luật chuyên ngành được sử dụng vốn vay ngắn hạn nước ngoài để phục vụ hoạt động nghiệp vụ của bên đi vay có thời hạn sử dụng vốn không quá 12 tháng kể từ thời điểm rút vốn khoản vay nước ngoài.

2. Mục đích vay trung, dài hạn nước ngoài:

Bên đi vay chỉ được vay trung, dài hạn nước ngoài để phục vụ các mục đích sau:

- a) Thực hiện dự án đầu tư của bên đi vay;
- b) Thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dự án khác của bên đi vay;
- c) Cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài của bên đi vay.

3. Việc sử dụng vốn vay nước ngoài của bên đi vay quy định tại khoản 1 và khoản 2 này phải phù hợp với:

- a) Phạm vi ngành nghề đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, phạm vi Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật;
- b) Phạm vi hoạt động hợp pháp khác quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định về điều lệ tổ chức và hoạt động của bên đi vay.

4. Bên đi vay nước ngoài phải chứng minh mục đích vay nước ngoài thông qua:

- a) Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan trong trường hợp vay nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư của bên đi vay;
- b) Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài theo quy định tại Thông tư này trong trường hợp vay nước ngoài để thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dự án khác của bên đi vay;
- c) Phương án cơ cấu nợ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này trong trường hợp vay nước ngoài cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài.

Giới hạn vay nước ngoài

1. Trường hợp vay nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư:

- a) Số dư nợ gốc của các khoản vay trung, dài hạn trong nước và nước ngoài của bên đi vay (bao gồm cả các khoản vay ngắn hạn được gia hạn và ngắn hạn quá hạn thành trung, dài hạn) phục vụ cho dự án đầu tư tối đa không vượt quá giới hạn vay vốn của dự án đầu tư;
- b) Giới hạn vay vốn của dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản này là phần chênh lệch giữa tổng vốn đầu tư của dự án đầu tư và vốn góp của nhà đầu tư ghi nhận tại Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

2. Trường hợp vay nước ngoài để thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dự án khác của bên đi vay:

Số dư nợ vay trung, dài hạn trong nước và nước ngoài của bên đi vay (bao gồm cả các khoản vay ngắn hạn được gia hạn và ngắn hạn quá hạn thành trung, dài hạn) phục vụ cho mục đích này không vượt quá tổng nhu cầu vốn vay tại Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp vay nước ngoài để thực hiện cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài của bên đi vay:

a) Số tiền vay nước ngoài phục vụ mục đích cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài tối đa không vượt quá tổng giá trị dư nợ gốc, số tiền lãi, phí chưa thanh toán của khoản nợ nước ngoài hiện hữu và phí của khoản vay mới được xác định tại thời điểm cơ cấu;

b) Trường hợp khoản vay nước ngoài mới là khoản vay trung, dài hạn, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày rút vốn khoản vay mới, bên đi vay phải thực hiện việc trả nợ khoản vay nước ngoài hiện hữu để sau thời gian 05 ngày làm việc nêu trên, bên đi vay đảm bảo các giới hạn vay vốn quy định

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trách nhiệm của bên đi vay

1. Tuân thủ các quy định về điều kiện vay nước ngoài tại Thông tư này và quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối.

2. Tự chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư, giao dịch bảo đảm, phòng chống rửa tiền, pháp luật chuyên ngành, các quy định khác của pháp luật có liên quan và tập quán quốc tế khi ký kết và thực hiện khoản vay nước ngoài.

3. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của văn bản chứng minh mục đích vay nước ngoài và đảm bảo sử dụng vốn vay nước ngoài theo đúng văn bản chứng minh mục đích vay nước ngoài quy định tại Thông tư này.

4. Lưu trữ đầy đủ chứng từ, tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay nước ngoài phù hợp với mục đích vay nước ngoài quy định Thông tư này, chứng từ tài liệu liên quan đến việc thay đổi bảng kê nhu cầu sử dụng vốn (nếu có) theo quy định tại Thông tư này và xuất trình đầy đủ các tài liệu nêu trên để phục vụ việc thanh tra, kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền.

5. Lập bảng theo dõi mỗi khoản tiền nhàn rỗi trong trường hợp gửi tiền có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo nguyên tắc sử dụng vốn quy định Thông tư này và xuất trình cùng với tài liệu chứng minh đáp ứng quy định tại Thông tư này để phục vụ việc thanh tra, kiểm tra việc sử dụng vốn vay nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền khi cần thiết.

Điều 20. Trách nhiệm của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản

1. Thực hiện việc kiểm tra, lưu giữ chứng từ phù hợp với giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu của bên đi vay trong quá trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ điều kiện vay nước ngoài của bên đi vay.

Chương V.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2023, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Quy định về giới hạn vay ngắn hạn nước ngoài quy định tại Điều 15 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Các thỏa thuận vay nước ngoài được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết, bên đi vay được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký và các văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có) cho đến khi kết thúc khoản vay nước ngoài. Việc sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận nói trên chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ QLNH.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Phạm Thanh Hà